

CÔNG TY CP VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Tầng 7 số 45 phố. Triệu Việt Vương, Phường Bùi Thị Xuân, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 NĂM 2019

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

Phụ trách kế toán

A blue ink signature of Trần Thị Thanh Hảo.

Trần Thị Thanh Hảo

Hà Nội, tháng 01 năm 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		389.531.797.328	353.263.018.581
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	180.212.617.667	184.928.446.586
1. Tiền	111		83.579.897.890	54.738.417.482
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.632.719.777	130.190.029.104
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		13.500.000.000	13.500.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	13.500.000.000	13.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164.481.915.147	113.538.431.908
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	32.830.223.227	30.013.968.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.832.350.807	953.864.462
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	129.984.174.725	82.735.432.851
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(164.833.612)	(164.833.612)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		16.595.123.515	20.208.196.789
1. Hàng tồn kho	141	V.8	16.595.123.515	20.208.196.789
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		14.742.140.999	21.087.943.298
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	1.733.081.800	626.423.955
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.009.059.199	20.461.519.343
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		845.571.924.255	754.794.924.703
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		68.400.000.000	46.713.470.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.11	23.400.000.000	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	45.000.000.000	46.713.470.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		503.557.362.186	440.706.178.144
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	500.322.336.641	436.808.596.443
<i>Nguyên giá</i>	222		864.720.001.913	734.585.949.049
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(364.397.665.272)	(297.777.352.606)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.235.025.545	3.897.581.701
<i>Nguyên giá</i>	228		6.541.325.236	6.541.325.236
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(3.306.299.691)	(2.643.743.535)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		11.243.087.335	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	11.243.087.335	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2b	261.926.397.014	266.696.649.411
1. Đầu tư vào công ty con	251		270.622.700.000	270.622.700.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		1.494.000.000	1.200.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		866.500	866.500
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(10.191.169.486)	(5.126.917.089)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		445.077.720	678.627.148
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	445.077.720	678.627.148
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.235.103.721.583	1.108.057.943.284

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		295.306.230.413	203.296.216.739
I. Nợ ngắn hạn	310		145.682.965.834	106.180.462.071
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	26.473.362.894	14.102.010.865
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	1.820.000	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	7.053.292.233	2.212.019.256
4. Phải trả người lao động	314		5.384.825.584	7.669.002.603
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	1.324.700.399	848.054.540
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.956.766.916	676.878.538
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	36.158.498.199	27.002.098.136
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	47.608.779.962	34.575.735.486
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	19.720.919.647	19.094.662.647
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		149.623.264.579	97.115.754.668
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		35.000.000.000	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	114.623.264.579	97.115.754.668
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		939.797.491.170	904.761.726.545
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	939.797.491.170	904.761.726.545
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		487.827.510.000	487.827.510.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		115.606.612.922	115.606.612.922
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(14.920.919.678)	(14.920.919.678)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		206.901.070.809	179.564.070.809
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144.383.217.117	136.684.452.492
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		27.464.905.492	136.684.452.492
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		116.918.311.625	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.235.103.721.583	1.108.057.943.284

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hảo

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hảo

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

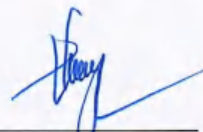
CHỈ TIÊU	Mã số	T. minh	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	147.712.514.392	138.128.239.727	547.797.651.070	479.693.346.795
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		147.712.514.392	138.128.239.727	547.797.651.070	479.693.346.795
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	108.617.830.622	102.503.329.519	411.098.176.317	361.067.675.650
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		39.094.683.770	35.624.910.208	136.699.474.753	118.625.671.145
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	3.060.568.209	3.995.604.182	28.670.671.629	15.566.119.108
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	3.696.694.136	5.012.115.733	13.668.592.320	9.853.120.282
Trong đó: chi phí lãi vay	23		2.274.600.320	1.281.507.404	8.496.413.429	3.861.404.237
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	7.023.401.246	7.165.671.158	23.363.385.491	23.949.488.434
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		31.435.156.597	27.442.727.499	128.338.168.571	100.389.181.537
11. Thu nhập khác	31	VI.6	1.040.761.674	752.390.620	2.822.491.588	17.367.044.774
12. Chi phí khác	32	VI.7	396.886.072	72.673.601	465.440.102	264.741.901
13. Lợi nhuận khác	40		643.875.602	679.717.019	2.357.051.486	17.102.302.873
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		32.079.032.199	28.122.444.518	130.695.220.057	117.491.484.410
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		3.626.588.611	2.984.280.069	13.776.908.432	13.762.123.566
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		28.452.443.588	25.138.164.449	116.918.311.625	103.729.360.844

Người lập biểu



Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán



Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc



Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		130.695.220.057	117.491.484.410
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		73.904.039.431	55.896.962.460
- Các khoản dự phòng	03		5.064.252.397	5.076.917.089
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		5.748.697	(139.742.873)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.014.721.010)	(28.828.257.811)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	8.496.413.429	3.861.404.237
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		189.150.953.001	153.358.767.512
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(47.772.375.220)	(24.237.135.240)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.613.073.274	(17.514.701.520)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		53.563.809.777	(38.777.714.326)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(873.108.417)	4.291.531.949
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(7.383.442.975)	(3.101.950.608)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(7.609.956.481)	(13.168.518.518)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(8.941.743.000)	(7.537.695.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		173.747.209.959	53.312.584.249
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.12	(146.737.884.398)	(223.724.550.022)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		3.891.272.726	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.400.000.000)	(13.713.180.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	45.213.180.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	V.2	(294.000.000)	(71.366.820.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.850.877.754	22.932.765.879
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(136.689.733.918)	(240.658.604.143)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Năm nay	Năm trước
	số	minh		
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	V.21	-	199.617.562.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	89.300.313.395	136.813.861.235
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(58.699.026.761)	(44.783.264.439)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.21	(72.314.547.000)	(33.934.765.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(41.713.260.366)	257.713.393.796
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.655.784.325)	70.367.373.902
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	184.928.446.586	114.378.534.552
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(60.044.594)	182.538.132
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	180.212.617.667	184.928.446.586

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hào

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Cho thuê bãi, bốc xếp hàng hóa cảng biển, vận tải biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Cảng Hải An	Tầng 1, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Cung cấp dịch vụ cảng biển	100%	100%	100%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Tầng 5, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ vận tải	50,5%	50,5%	50,5%
Công ty TNHH Pan Hải An	Tầng 6, tòa nhà Hải An, Km 2 đường Đinh Vũ, phường Đông Hải 2, quận Hải An, thành phố Hải Phòng	Dịch vụ khai thác Depot	51%	51%	51%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An có trụ sở chính tại phòng 502 tầng 5, tòa nhà 133 Thái Hà, phường Trung Liệt, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là vận tải hàng hóa bằng đường bộ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 40%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh - Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	Số 217 Nguyễn Văn Thủ, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An tại Bà Rịa – Vũng Tàu	Khu A, lô 17 khu nhà ở Phú Mỹ, thị trấn Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán Công ty có 73 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 76 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
- 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho là nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Riêng đối với nhiên liệu xuất dùng cho tàu được tính theo phương pháp bình quân gia quyền từng lần nhập xuất.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản và chi phí lên đà tàu. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu

Chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí lên đà tàu phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5-20
Máy móc và thiết bị	5-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6-12
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5
Tài sản cố định khác	4-10

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 35 năm.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 3 đến 5 năm.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính giữa niên độ các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

18. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

21. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	580.094.292	572.975.912
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	82.999.803.598	54.165.441.570
Các khoản tương đương tiền (Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	96.632.719.777	130.190.029.104
Cộng	180.212.617.667	184.928.446.586

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 12 tháng.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	270.622.700.000	(10.191.169.486)	270.622.700.000	(5.126.917.089)
Công ty TNHH Cảng Hải An	30.000.000.000		30.000.000.000	
(i)				
Công ty TNHH Vận tải	101.000.000.000		101.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Container Hải An ⁽ⁱⁱ⁾				
Công ty TNHH Pan Hải An ⁽ⁱⁱⁱ⁾	139.622.700.000	(10.191.169.486)	139.622.700.000	(5.126.917.089)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	1.494.000.000		1.200.000.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An ^(iv)	1.494.000.000		1.200.000.000	
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	866.500		866.500	
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	864.000		864.000	
Công ty Cổ phần MHC	2.500		2.500	
Cộng	272.117.566.500	(10.191.169.486)	271.823.566.500	(5.126.917.089)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101126468 ngày 13 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Hải An là 30.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty TNHH Hai thành viên trở lên số 0201655535 ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Vận tải Container Hải An số tiền 101.000.000.000 VND, tương ứng 50,5% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ theo đăng ký.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201815115 ngày 20 tháng 10 năm 2017, thay đổi lần 2 ngày 21 tháng 12 năm 2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH Pan Hải An 139.622.700.000 VND, tương đương 51% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ vốn theo đăng ký.

(iv) Theo Nghị quyết số 0310-2018/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 10 năm 2018 của Hội đồng quản trị, Công ty đầu tư thêm 29.400 cổ phần Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (GNVTHA) (số cổ phần được phân bổ cho cổ đông hiện hữu), trong kỳ Công ty đã mua 29.400 cổ phần GNVTHA với giá 294.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty sở hữu 149.400 cổ phần GNVTHA, chiếm 36,89% vốn điều lệ.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Các công ty con và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	5.126.917.089	
Trích lập dự phòng bổ sung	5.064.252.397	5.126.917.089
Hoàn nhập dự phòng		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Số cuối kỳ	10.191.169.486	5.126.917.089
<i>Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết</i>		
Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:		
	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Cảng Hải An (HAP)		
Doanh thu khai thác cảng HAP thu hộ	211.398.750.046	212.163.061.269
Phí quản lý cảng phải trả cho HAP	37.090.633.194	40.043.445.229
Lợi nhuận được chia từ HAP	4.349.162.834	5.851.817.501
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (HACT)		
Thu tiền gốc cho vay từ HACT		
Thu tiền lãi cho HACT vay		912.671.232
Cung cấp dịch vụ cho HACT	92.270.849.495	47.296.760.302
Mua hộ phần mềm cho HACT		
Chi hộ HACT	1.214.759.675	
HACT cung cấp dịch vụ khai thác tàu		
HACT cung cấp dịch vụ cho Công ty mẹ	16.632.793.500	13.280.122.500
Thu hồi tiền góp vốn BCC từ HACT		45.000.000.000
HACT góp vốn theo hợp đồng BCC	10.000.000.000	
HACT phân chia lãi BCC năm 2018	7.774.998.895	
HACT phân chia lợi nhuận năm 2018	15.150.000.000	
Công ty TNHH Pan Hải An (Pan Hải An)		
Góp vốn vào Pan Hải An		70.166.820.000
Pan cung cấp dịch vụ cho hoạt động cảng	4.294.757.217	19.549.714
HATS cung cấp dịch vụ cho Pan Hải An	981.864.652	244.269.750
Cho Pan Hải An vay	23.400.000.000	213.180.000
Thu lại tiền cho vay		
Lãi cho vay	139.750.000	1.340.990
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An (HAFC)		
Chuyển tiền góp vốn cho HAFC	294.000.000	1.200.000.000
Cung cấp dịch vụ vận tải đường bộ cho HAFC	386.074.577	96.854.545
HAFC góp vốn theo hợp đồng BCC	5.000.000.000	

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	25.827.834.366	18.451.737.993
Công ty TNHH Cảng Hải An	10.813.645.524	1.201.159.993
Công ty TNHH Vận tải container Hải An	14.138.000.731	16.257.872.689
Công ty TNHH Pan Hải An		140.728.284
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	404.388.000	470.290.100
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An		
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	39.139.998	106.540.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức		3.300.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	432.660.113	271.846.927
Phải thu các khách hàng khác	7.002.388.861	11.562.230.214
Công ty Cổ phần Container Việt Nam	1.206.140.019	279.438.311
Công ty Cổ phần Quốc tế Tico	349.782.076	3.719.043.402
Công ty TNHH GSL International Logistics	1.152.954.202	
Các khách hàng khác	4.293.512.564	7.563.748.501
Cộng	32.830.223.227	30.013.968.207
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	1.832.350.807	667.755.829
Tổng Công ty Bảo đảm An toàn Hàng Hải Miền Bắc		239.222.508
Trung tâm Quan trắc Môi trường		68.000.000
Cảng vụ hàng hải Thành phố Hồ Chí Minh	262.928.564	360.533.321
WARTSILA WATER SYSTEMS LIMITED	1.136.372.466	
Các nhà cung cấp khác	433.049.777	286.108.633
Cộng	1.832.350.807	953.864.462
5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác		
5a. Phải thu ngắn hạn khác		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá trị	Giá trị
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	10.803.050.710	11.467.217.565
Công ty TNHH Cảng Hải An – Lợi nhuận phải thu	926.627.596	3.577.464.762
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An – Kết quả hoạt động BCC	9.876.423.114	7.774.988.895
Các khoản chi hộ HACT		114.763.908
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	119.181.124.015	71.268.215.286
Lãi tiền gửi dự thu	712.972.332	337.039.158
Doanh thu tạm tính	643.214.400	
Đặt cọc để chuyển nhượng dự án (*)	92.763.292.500	70.000.000.000
Ký cược, ký quỹ	24.065.986.820	347.872.836
Tạm ứng	688.040.000	555.240.156
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	307.617.963	28.063.136
Cộng	129.984.174.725	82.735.432.851

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (*) Căn cứ Nghị quyết Hội đồng quản trị số 01B10-2017/NQ-HĐQT ngày 05 tháng 12 năm 2017, Công ty đã đặt cọc số tiền 92.763.292.500 VND để tiến tới ký kết hợp đồng nhận chuyển nhượng 90% quyền đầu tư Dự án “Bãi container và dịch vụ cảng” tại xã Phước Hòa, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	45.000.000.000		45.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải container Hải An - Tiền góp vốn hợp tác kinh doanh BCC (*)	45.000.000.000		45.000.000.000	
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác			1.713.470.000	
Ký cược, ký quỹ			1.713.470.000	
Cộng	45.000.000.000		46.713.470.000	

- (*) Phải thu Công ty TNHH Vận tải Container Hải An (“Bên kiểm soát”) về vốn hợp tác kinh doanh theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 48/HĐHTKD ngày 18 tháng 4 năm 2017 về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	Số tiền (VND)	Tỷ Lệ %
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	45.000.000.000	56,25%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	10.000.000.000	12,50%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	12,50%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	5.000.000.000	6,25%
Cộng	80.000.000.000	100,00%

6. Nợ xấu

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Dự phòng		Giá gốc	Dự phòng
Công ty TNHH Vận tải Hưng Thịnh – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	65.089.486	(65.089.486)	3 năm	65.089.486	(65.089.486)
Công ty TNHH Vận tải Thương mại Hoàng Gia – phải thu cung cấp dịch vụ	Trên 3 năm	99.744.126	(99.744.126)	3 năm	99.744.126	(99.744.126)
Cộng		164.833.612	(164.833.612)		164.833.612	(164.833.612)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
Năm nay	Năm trước

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾ DỠ HÀI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	164.833.612	214.833.612
Giảm khác		(50.000.000)
Số cuối kỳ	164.833.612	164.833.612

7. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	16.481.256.242	20.125.311.334
Công cụ, dụng cụ	113.867.273	82.885.455
Cộng	16.595.123.515	20.208.196.789

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
8a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Bảo hiểm chờ phân bổ	349.024.400	417.214.670
Phí đường bộ	85.872.000	120.707.085
Chi phí thuê văn phòng	64.000.000	84.102.200
Dầu nhờn	1.234.185.400	
Chi phí trả trước ngắn hạn khác		4.400.000
Cộng	1.733.081.800	626.423.955
8b. Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ	151.393.336	424.088.254
Bản quyền phần mềm	47.497.230	254.538.894
Chi phí khác	246.187.154	
Cộng	445.077.720	678.627.148

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4
của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	202.091.011.915	273.194.241.973	237.649.750.261	729.574.546	20.921.370.354	734.585.949.049
Mua trong kỳ		131.590.182	135.316.843.245	46.363.636		135.494.797.063
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán	(3.064.627.046)		(2.296.117.153)			(5.360.744.199)
Số cuối kỳ	199.026.384.869	273.325.832.155	370.670.476.353	775.938.182	20.921.370.354	864.720.001.913
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	106.849.871.554	176.046.114.833	10.335.180.032	337.828.811	4.208.357.376	297.777.352.606
Lũy kế khấu hao từ đầu năm đến cuối kỳ	11.286.995.456	28.495.341.330	27.482.472.648	159.959.929	2.103.762.024	69.528.531.387
Thanh lý, nhượng bán	(612.101.568)		(2.296.117.153)			(2.908.218.721)
Số cuối kỳ	117.524.765.442	204.541.456.163	35.521.535.527	497.788.740	6.312.119.400	364.397.665.272
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	95.241.140.361	97.148.127.140	227.314.570.229	391.745.735	16.713.012.978	436.808.596.443
Số cuối kỳ	81.501.619.427	68.784.375.992	335.148.940.826	278.149.442	14.609.250.954	500.322.336.641

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**10. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Mua trong kỳ			-
Số cuối kỳ	4.945.015.236	1.596.310.000	6.541.325.236
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	2.108.931.861	534.811.674	2.643.743.535
Khấu hao trong kỳ	141.286.152	521.270.004	662.556.156
Số cuối kỳ	2.250.218.013	1.056.081.678	3.306.299.691
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	2.836.083.375	1.061.498.326	3.897.581.701
Số cuối kỳ	2.694.797.223	540.228.322	3.235.025.545

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định		147.252.482.556	(135.356.365.245)	(743.484.521)	11.152.632.790
Xây dựng cơ bản dở dang		90.454.545			90.454.545
Cộng	-	147.342.937.101	(135.356.365.245)	(743.484.521)	11.243.087.335

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	2.327.490.612	1.141.434.751
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An		
Công ty TNHH Cảng Hải An		
Công ty TNHH Pan Hải An	1.138.791.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	56.045.585	93.164.685
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An	1.132.654.027	1.041.662.731
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương Thức		6.607.335
Phải trả các nhà cung cấp khác	24.145.872.282	12.960.576.114
Công ty Cổ phần Cung ứng thuyền viên Đông Đô	1.026.784.898	
Triton Container International Limited-Colle	2.385.083.104	2.137.259.433
Công ty TNHH MTV Vận tải và Dịch vụ Hàng Hải Hải Phòng	998.850.050	1.448.155.460
CN Công ty cổ phần phát triển hàng hải tại thành phố Hồ Chí Minh	944.249.076	579.977.010
Công ty cổ phần thương mại và dịch vụ Vosco	1.274.113.660	
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ HÀNG HẢI HẢI	1.171.433.600	1.061.906.308

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

ÂU		
FORKLIFTCENTER RENTAL B.V	8.921.523.520	-
Các nhà cung cấp khác	8.450.619.272	7.733.277.903
Cộng	26.473.362.894	14.102.010.865

13. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<i>1.820.000</i>	-
Công Ty TNHH Thương Mại Xuất Nhập Khẩu Đông Á	1.820.000	-
Cộng	1.820.000	-

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Phải nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	4.783.739.348	(4.156.529.622)	627.209.726
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	34.000.997	(34.000.997)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	29.084.356	(29.084.356)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	558.702.244	11.832.558.267	(7.609.956.481)	4.781.304.030
Thuế thu nhập cá nhân	1.653.317.012	4.591.055.678	(4.599.594.213)	1.644.778.477
Tiền thuê đất	-	1.777.640.083	(1.777.640.083)	-
Các loại thuế khác	-	5.000.000	(5.000.000)	-
Cộng	2.212.019.256	23.053.078.729	(18.211.805.752)	7.053.292.233

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

Xếp dỡ cho các tàu nước ngoài, cước biển, cước cho thuê tàu chạy tuyến nước ngoài	0%
Cung cấp nước ngọt	5%
Các hoạt động vận tải, xếp dỡ khác	10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Hoạt động khai thác cảng của Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 10% trong thời hạn mười lăm năm (15 năm) từ năm đầu doanh nghiệp có doanh thu từ hoạt động được hưởng ưu đãi thuế (năm 2011) theo Điểm 3 phần B, điểm 1.3 và điểm 6 mục II phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn ưu đãi: Miễn thuế TNDN 04 năm, giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo kể từ năm 2011 theo Điểm 1.3 Mục III Phần H Thông tư 130/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	32.079.032.199	28.122.444.518
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	836.748.058	174.740.431
- Các khoản điều chỉnh tăng	836.748.058	174.740.431
- Các khoản điều chỉnh giảm		
Thu nhập chịu thuế	32.915.780.257	28.297.184.949
Thu nhập được miễn thuế	(909.285.195)	(628.231.277)
Lỗi các năm trước được chuyển		
Thu nhập tính thuế	32.006.495.062	27.668.953.672
Trong đó:		
- Hoạt động khai thác cảng được ưu đãi	18.840.434.540	17.949.487.366
- Hoạt động khai thác cảng không được ưu đãi	9.220.553.223	4.756.769.490
- Hoạt động khai thác tàu	3.945.507.299	4.962.696.816
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	6.401.299.012	5.533.790.734
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông	(1.883.942.911)	(1.794.948.737)
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	(942.021.727)	(897.474.368)
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.575.334.374	2.841.367.629
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	51.254.237	142.912.440
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	3.626.588.611	2.984.280.069
Thuế TNDN các bên hợp tác kinh doanh nộp hộ	(532.568.882)	(775.189.765)
Thuế TNDN nộp hộ các bên hợp tác kinh doanh	426.720.710	69.009.094
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.520.740.439	2.278.099.398

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	1.324.700.399	848.054.540
Chi phí lãi vay phải trả	1.057.731.649	848.054.540
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	266.968.750	
Cộng	1.324.700.399	848.054.540

16. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

Là doanh thu cho thuê tàu HaiAn Link từ ngày 01/01/2020 đến ngày 14/01/2020

17. Phải trả khác

17a. Phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	2.344.581.112	245.558.676
Công ty Cổ phần Transimex - lãi hợp tác kinh doanh BCC	100.276.373	100.276.373
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa Phương thức - lãi hợp tác kinh doanh BCC	674.748.381	75.220.439
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An - lãi hợp tác kinh doanh BCC	44.163.714	44.163.714
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs - lãi hợp tác kinh doanh BCC	25.898.150	25.898.150
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An- lãi hợp tác kinh doanh BCC	599.527.942	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà -lãi hợp tác kinh doanh BCC	599.527.942	
Công ty cổ phần giao nhận vận tải Hải An -lãi hợp tác kinh doanh BCC	300.438.610	
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	33.813.917.087	26.756.539.460
Công ty Cổ phần MHC - lãi hợp tác kinh doanh BCC	30.477.701	30.477.701
Các khoản thu hộ SM Line Corporation	32.866.011.150	25.575.794.806
Kinh phí công đoàn	173.458.514	103.881.098
BHXH, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp		39.936.520
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	418.950.000	418.950.000
Thuế vãng lai phải nộp		317.832.237
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	325.019.722	269.667.098
Cộng	36.158.498.199	27.002.098.136

17b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan - về góp vốn BCC (*)</i>	35.000.000.000	

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	
Cộng	35.000.000.000	

- (*) Theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 66/HĐHTKD về hợp tác góp vốn đầu tư, kinh doanh và khai thác đội tàu Container thì Công ty là “Bên kiểm soát”. Các bên cam kết cùng hợp tác góp vốn mua tàu, giao tài sản góp vốn và toàn bộ tài sản dự án cho bên kiểm soát và đồng ý để bên kiểm soát đứng tên đăng ký sở hữu, tổ chức kinh doanh, khai thác cho thuê tàu cho hiệu quả. Các bên cùng phân chia lợi nhuận và gánh chịu mọi tổn thất và rủi ro (nếu có) từ hoạt động kinh doanh, khai thác tàu theo tỷ lệ góp vốn và theo các điều kiện và điều khoản của Hợp đồng và quy định của pháp luật hiện hành.

Tỷ lệ góp vốn của các bên theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh như sau:

	<u>Số tiền (VND)</u>	<u>Tỷ Lệ %</u>
Công ty Cổ phần Vận tải và Xếp dỡ Hải An	40.000.000.000	53,33%
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	10.000.000.000	13,33%
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	5.000.000.000	6,68%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	10.000.000.000	13,33%
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải Đa phương thức	10.000.000.000	13,33%
Cộng	75.000.000.000	100%

18. Vay ngắn hạn/dài hạn

18a. Vay ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.861.226.074	5.049.365.476
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	-	5.049.365.476
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	7.861.226.074	-
Vay dài hạn đến hạn trả	39.747.553.888	29.526.370.010
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng	35.711.924.825	25.489.271.390
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1	4.035.629.063	4.037.098.620
Cộng	47.608.779.962	34.575.735.486

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Sở giao dịch 1 để thanh toán tiền mua dầu và công nợ với thời hạn vay 3 tháng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	5.049.365.476	29.526.370.010	34.575.735.486
Số tiền vay phát sinh trong năm	28.800.313.395		28.800.313.395
Số kết chuyển từ vay và nợ dài hạn		42.931.757.842	42.931.757.842
Số tiền vay đã trả trong năm	(25.988.452.797)	(32.710.573.964)	(58.699.026.761)
Tăng giảm do CLTG thực hiện trong kỳ			-
CLTG do đánh giá lại cuối kỳ			-
Số cuối kỳ	7.861.226.074	39.747.553.888	47.608.779.962

18b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	114.623.264.579	97.115.754.668
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (i)	112.130.102.609	90.584.153.740
Ngân hàng TMCP Quân đội – Sở giao dịch 1 (ii)	2.493.161.970	6.531.600.928
Cộng	114.623.264.579	97.115.754.668

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

- (i) Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo các hợp đồng sau:
- Hợp đồng tín dụng số 2016/DA/HĐTD/VCB-HA ngày 06 tháng 9 năm 2016 để đầu tư hệ thống 10 xe chở Container, thời hạn cho vay là 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, không ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản hình thành sau đầu tư.
 - Hợp đồng tín dụng số 01/2018/VCB-HAIAN ngày 15/10/2018, mục đích vay tài trợ cho việc thực hiện Dự án đầu tư tàu container Sinar Brani, thời hạn cho vay là 60 tháng (5 năm) kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân vốn vay lần đầu tiên, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, thời hạn trả nợ là 19 kỳ (mỗi kỳ 3 tháng), kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng tàu Hải An Link.
 - Hợp đồng tín dụng trung dài hạn 01.2019/HĐCV/VCB-HAIAN ngày 29/05/2019 để đầu tư dự án tàu container VNL Ruby; thời hạn vay là 60 tháng, thời gian ân hạn 6 tháng kể từ ngày tiếp theo ngày giải ngân vốn vay đầu tiên nhưng không quá 3 tháng kể từ ngày có nguồn thu từ việc vận hành/thuê tàu, kỳ trả nợ gốc đầu tiên sau khi hết thời gian ân hạn, lãi vay trả 3 tháng/ lần. Khoản vay được đảm bảo bằng các tài sản thế chấp gồm: 02 xe nâng nhãn hiệu PPM Terex, cần trục chân đế Kirow Ardelt GMBH, 5 đầu kéo và 5 sownmi romooc, tàu Hải An Link và tàu VNL Ruby.
- (ii) Vay ngân hàng TMCP Quân Đội - Sở giao dịch 1 theo các hợp đồng sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Hợp đồng cấp tín dụng số 66755.15.002.2486868.TD ngày 25 tháng 10 năm 2015 để thanh toán LC nhập khẩu 2 máy nâng container trục xoay. Khoản vay được bảo đảm bằng máy móc thiết bị hình thành sau đầu tư.
- Hợp đồng cấp tín dụng số 88928.16.002.2486868.TD ngày 07 tháng 12 năm 2015 để bổ sung nhu cầu vốn trung hạn để nhập container với lãi suất được quy định tại văn bản nhận nợ, thời hạn vay tối đa 60 tháng. Khoản vay được bảo đảm bằng các tài sản là 400 container các loại của Công ty

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	39.747.553.888	29.526.370.010
Trên 1 năm đến 5 năm	114.623.264.579	97.115.754.668
Trên 5 năm		
Cộng	<u>154.370.818.467</u>	<u>126.642.124.678</u>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	97.115.754.668	19.678.009.170
Số tiền vay phát sinh	60.500.000.000	107.036.825.000
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(42.931.757.842)	(29.526.370.010)
CLTG do đánh giá lại số dư khoản vay có gốc ngoại tệ cuối kỳ	(60.732.247)	(72.709.492)
Số cuối kỳ	<u>114.623.264.579</u>	<u>97.115.754.668</u>

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	14.463.218.213	5.467.000.000	(4.803.743.000)	15.126.475.213
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	4.631.444.434	4.101.000.000	(4.138.000.000)	4.594.444.434
Cộng	<u>19.094.662.647</u>	<u>9.568.000.000</u>	<u>(8.941.743.000)</u>	<u>19.720.919.647</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Vốn chủ sở hữu

20a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số đầu năm trước	345.078.180.000	58.738.380.922	(14.920.919.678)	152.064.070.809	104.039.856.648
Trà cổ tức bằng cổ phiếu (i)	-	-	-	-	-
Phát hành cổ phiếu thu bằng tiền	142.749.330.000	56.868.232.000	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	103.729.360.844
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.500.000.000	(37.150.000.000)
Trà cổ tức năm 2017	-	-	-	-	(33.934.765.000)
Số dư cuối năm trước	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492
Số dư đầu năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	179.564.070.809	136.684.452.492
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	116.918.311.625
Trích lập các quỹ	-	-	-	27.337.000.000	(36.905.000.000)
Trà cổ tức năm 2018	-	-	-	-	(72.314.547.000)
Số dư cuối kỳ năm nay	487.827.510.000	115.606.612.922	(14.920.919.678)	206.901.070.809	144.383.217.117

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20b. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	48.782.751	48.782.751
- Cổ phiếu phổ thông	48.782.751	48.782.751
Số lượng cổ phiếu được mua lại	573.053	573.053
- Cổ phiếu phổ thông	573.053	573.053
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	48.209.698	48.209.698
- Cổ phiếu phổ thông	48.209.698	48.209.698

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20c. Phân phối lợi nhuận

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 0204-2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 11 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 72.314.547.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 27.337.000.000
• Trích quỹ Ban điều hành	: 4.101.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 5.467.000.000

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	1.300.849,90	642.545,22
Euro (EUR)	40,54	40,54

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Doanh thu hoạt động khai thác cảng	71.125.095.535	74.184.112.659
Doanh thu hoạt động khai thác tàu	56.193.367.749	42.534.051.811
Doanh thu hoạt động khác	20.394.051.108	21.410.075.257
Cộng	147.712.514.392	138.128.239.727

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty còn phát sinh các giao dịch về cung cấp dịch vụ khai thác tàu, khai thác cảng và cho thuê tài sản cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)	1.015.551.183	446.300.091
Công ty Cổ phần Dịch vụ tổng hợp Hải An (HAGS)		192.592.436
Công ty TNHH vận tải container Hải An	26.795.342.686	12.602.215.714
Công ty TNHH cảng Hải An (Doanh thu thu hộ)	61.344.602.339	53.237.048.836
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức	992.700	3.000.000
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng	537.552.375	513.032.526

2. Giá vốn hàng bán

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Giá vốn của hoạt động cảng	46.048.009.343	49.466.689.456
Giá vốn của hoạt động tàu	44.895.702.237	37.406.644.738
Giá vốn dịch vụ khác	17.674.119.042	15.629.995.325
Cộng	108.617.830.622	102.503.329.519

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4 năm nay	Quý 4 năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.652.633.434	2.370.763.967
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	33.356.025	
Lãi tiền cho vay	139.750.000	1.340.990
Cổ tức, lợi nhuận được chia	909.285.195	628.231.277
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	325.543.555	538.770.076
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		456.497.872
Cộng	3.060.568.209	3.995.604.182

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí tài chính

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí lãi vay	2.274.600.320	1.281.507.404
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	1.555.536.761	3.716.221.006
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh	6.016.449	14.387.323
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	(139.459.394)	
Cộng	3.696.694.136	5.012.115.733

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	3.064.632.753	3.651.971.175
Chi phí vật liệu quản lý	109.903.009	209.952.058
Chi phí đồ dùng văn phòng		21.922.727
Chi phí khấu hao tài sản cố định	449.181.344	505.800.528
Thuế, phí và lệ phí	19.203.000	35.959.000
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi		
Chi phí dịch vụ mua ngoài	708.921.995	757.291.758
Các chi phí khác	2.671.559.145	1.982.773.912
Cộng	7.023.401.246	7.165.671.158

6. Thu nhập khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định của BCC	806.929.066	
Tiền bồi thường	3.066.133	
Xử lý công nợ	219.196.240	
Thu nhập khác	11.570.235	752.390.620
Cộng	1.040.761.674	752.390.620

7. Chi phí khác

	<u>Quý 4 năm nay</u>	<u>Quý 4 năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	80.427.436	28.312.950
Bồi thường tổn thất	-	44.360.651
Xử lý công nợ	310.450.341	
Chi phí khác	6.008.295	
Cộng	396.886.072	72.673.601

8. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	2.580.761.544	3.934.618.545
Phụ cấp	598.000.000	982.000.000
Tiền thưởng	2.240.045.433	2.002.000.000
Cộng	5.418.806.977	6.918.618.545

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Cảng Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Vận tải Container Hải An	Công ty con
Công ty TNHH Pan Hải An	Công ty con
Công ty Cổ phần Giao nhận Vận tải Hải An	Công ty liên kết
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An	Công ty liên kết của Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An	Công ty liên kết của Công ty con đến ngày 08 tháng 01 năm 2019
Công ty Cổ phần Transimex	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Cung ứng và Dịch vụ Kỹ thuật Hàng hải	Cổ đông lớn cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Macs	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hải Minh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý vận tải đa phương thức	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Hàng Hải Nam Dương	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH "K" Line Logistic (Việt Nam) Ltd.	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Vina	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Đầu tư Toàn Việt	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Vinafreight	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ An Phúc Thịnh	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty liên doanh Vận tải Công nghệ cao (Transvina)	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty TNHH MTV Gelex Logistics	Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Kho vận miền Nam	Cùng thành viên quản lý chủ chốt

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Tổng Công ty Cổ phần Đường sông miền Nam
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1
Công ty Cổ phần Cảng miền Nam
Công ty Cổ phần Cánh đồng Xanh
Công ty Cổ phần Đại lý Cánh đồng Xanh

Mối quan hệ

Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt
Cùng thành viên quản lý chủ chốt

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.2c cũng như các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con, công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại lý và Tiếp vận Hải An (HAAL)		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Hải An (HAGS)		
Mua hộ phần mềm cho HAGS		
Phải trả HAGS về cung cấp dịch vụ khai thác cảng	5.100.360.390	8.115.170.158
Công ty Cổ phần Transimex		
Trả cổ tức	683.257.500	4.414.385.000
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		
Sử dụng dịch vụ khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vận tải Hải Hà		
Trả cổ tức	8.351.250.000	3.045.000.000
Chi phí thuê văn phòng, dịch vụ khác	2.586.074.378	2.404.410.912
Góp vốn theo hợp đồng BCC cho HATS	10.000.000.000	2.404.410.912
Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức		
Trả cổ tức	2.583.090.000	300.330.000
Góp vốn theo hợp đồng BCC cho HATS	10.000.000.000	2.404.410.912
Chi hệ HATS	66.883.103	
Công Ty Cổ Phần Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	3.000.000.000	
Công ty cổ phần Đại lý Cánh Đồng Xanh		
Trả cổ tức	1.500.000.000	
Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải và Đại lý Vận tải Đa phương thức tại Hải Phòng		
Sử dụng dịch vụ khai thác tàu		
Công ty liên doanh phát triển tiếp vận số 1 (Cảng VICT)		
Phải trả VICT về cung cấp dịch vụ cho khai thác tàu	2.278.646.732	

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.12 và V.17.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Hoạt động khai thác cảng.
- Lĩnh vực 02: Hoạt động khai thác tàu.
- Lĩnh vực 03: Hoạt động khác (gồm: vận tải đường bộ, dịch vụ đại lý, cho thuê tài sản...)

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Lũy kế đến cuối kỳ năm nay				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	174.393.088.620	164.584.186.298	61.107.861.760	400.085.136.678
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận				-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	174.393.088.620	164.584.186.298	61.107.861.760	400.085.136.678
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	52.093.139.114	27.461.408.583	18.050.243.286	97.604.790.983
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(16.339.984.245)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				81.264.806.738
Doanh thu hoạt động tài chính				25.610.103.420
Chi phí tài chính				(9.971.898.184)
Thu nhập khác				1.781.729.914
Chi phí khác				(68.554.030)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(10.150.319.821)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				88.465.868.037
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	131.590.182	134.050.049.182	46.363.636	134.228.003.000
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	32.005.575.233	20.389.079.915	3.155.709.096	55.550.364.244

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

Lũy kế đến cuối kỳ năm trước

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài 193.908.234.302 86.732.550.830 60.924.321.936 341.565.107.068

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận

Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ 193.908.234.302 86.732.550.830 60.924.321.936 341.565.107.068

Kết quả kinh doanh theo bộ phận 57.555.080.360 6.612.226.355 18.833.454.222 83.000.760.937

Các chi phí không phân bổ theo bộ phận (16.783.817.276)

Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh 66.216.943.661

Doanh thu hoạt động tài chính 11.570.514.926

Chi phí tài chính (4.841.004.549)

Thu nhập khác 16.614.654.154

Chi phí khác (192.068.300)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (10.777.843.498)

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp 78.591.196.394

Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác 8.844.414.791 8.844.414.791

Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn 33.796.899.613 6.568.468.326 3.550.636.812 43.916.004.751

Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Hoạt động khai thác cảng	Hoạt động khai thác tàu	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	523.492.756.615	421.277.313.579	44.712.227.394	989.482.297.588
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				245.621.423.995
Tổng tài sản				1.235.103.721.583
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	19.847.596.868	191.171.822.160	51.295.824.997	262.315.244.025
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				32.990.986.388
Tổng nợ phải trả				295.306.230.413
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	523.876.093.037	272.602.900.115	48.967.401.158	845.446.394.310
Tài sản phân bổ cho bộ phận				
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				262.611.548.974
Tổng tài sản				1.108.057.943.284
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	24.075.453.939	108.224.961.220	13.769.122.237	146.069.537.396
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận				
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				57.226.679.343
Tổng nợ phải trả				203.296.216.739

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ XẾP DỠ HẢI AN

Địa chỉ: Tầng 7, số 45 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4

của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Lập, ngày 22 tháng 01 năm 2020

Người lập biểu

Trần Thị Thanh Hào

Phụ trách kế toán

Trần Thị Thanh Hào

Tổng Giám đốc

Vũ Thanh Hải